

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07 – 6 - 2022

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Khánh.

Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Thanh Hải.

- Ông Nguyễn Huy Cường.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Hùng - Thư ký tòa án nhân dân huyện
Tỉnh Biên.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Biên tham gia phiên
tòa: Ông Chau Rết – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên,
xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số:
212/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 về việc “ *Tranh chấp hôn
nhân gia đình, ly hôn* ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐST-
HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số:
66/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Neàng G, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Tổ 10, ấp A, xã H, huyện Tỉnh Biên, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Chau Ch, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện Tỉnh Biên, tỉnh An Giang.

(Chị G có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Ch vắng mặt lần 2 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 02 tháng 6 năm 2021 và lời khai tại Tòa án, chị Neàng G trình bày:

Chị và anh Chau Ch quen biết, do tự tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức lễ cưới năm 2006 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tịnh Biên, An Giang vào ngày 20/10/2008. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc và chỉ được trong khoảng thời gian ngắn, chị và anh Chau Ch xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt khoảng tháng 7/2018 chị và anh Ch sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị và anh Ch có gặp nhau nói chuyện hàn gắn vợ chồng nhưng không thành. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh Chau Ch.

Về con chung: Chị và anh Chau Ch có 02 con chung tên Chau Ch, sinh ngày 11/10/2007 và Neàng Sây N, sinh ngày 02/5/2016 hiện chị đang nuôi dạy, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, chị không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh Ch tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn Chau Ch vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình tố tụng, biên bản hòa giải ngày 09/3/2022 anh Ch trình bày: Anh và Neàng G quen biết, được sự đồng ý của hai bên gia đình, tổ chức lễ cưới năm 2006, đồng thời có đăng ký kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, anh thừa nhận giữa anh và chị G có mâu thuẫn là do bất đồng trong quan điểm sống và sống ly thân như chị G đã trình bày, nay chị G yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn, do anh còn tình cảm với chị G.

Về con chung: Anh và chị G có 02 con chung tên Chau Chum, sinh ngày 11/10/2007 và Neàng Sây Neang, sinh ngày 02/5/2016 hiện chị G đang nuôi dạy, khi ly hôn anh đồng ý với nguyện vọng của con là được sống với chị G, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị G tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên Tòa Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- *Thẩm phán*: Được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên Thẩm phán đề án trễ hạn xét xử theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa*: Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa sơ thẩm đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử; thư ký ghi biên bản phiên tòa đúng chức năng nhiệm vụ.

- *Người tham gia tố tụng*: Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chấp hành chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận cho chị G được ly hôn với anh Ch

+ Về con chung: Chị G được tiếp tục nuôi dạy con tên Chau Ch, sinh ngày 11/10/2007 và Neàng Sây N, sinh ngày 02/5/2016, anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con (*do chị G không yêu cầu*).

Về tài sản chung: G và anh Ch tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Nợ chung: Không có

+ Về án phí: Chị G khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Ch là bị đơn có nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện Tịnh Biên, An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Chị Neàng G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án tổng đạt hợp lệ cho anh Ch quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên Tòa lần thứ nhất và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn anh Ch. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Ch vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Chị G cho rằng năm 2006 chị và anh Ch được hai gia đình tổ chức lễ cưới; sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tịnh Biên, An Giang, ngày 20/10/2008. Tại thời điểm kết hôn chị G và anh Ch đã đủ độ tuổi và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Theo chị G cho rằng cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, khoảng tháng 7/2018 chị và anh Ch phát sinh mâu thuẫn và bất đồng trong quan điểm sống, giữa chị và anh Ch không có tiếng nói chung trong cuộc sống và sông ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Chau Ch.

Anh Ch không đồng ý ly hôn, nhưng anh và chị G không có biện pháp gì để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, trong quá trình giải quyết chị G cương quyết ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân thì cũng không đem lại hạnh phúc, do đó yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh Ch là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị G được ly hôn với anh Ch là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về con chung:

Chị G và anh Ch có 02 con chung tên Cháu Chum, sinh ngày 11/10/2007 và Neang Sây Neang, sinh ngày 02/5/2016; khi ly hôn chị G có nguyện vọng nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai cháu Ch và cháu N ngày 09/3/2022 cháu Ch và cháu N có nguyện vọng sống với mẹ (G) để đảm bảo tâm sinh lý và cuộc sống bình thường, nên giao cháu Chum và cháu Neang cho chị G được tiếp tục nuôi dạy là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị G không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị G, anh Ch xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị G khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Neàng G đối với anh Chau Ch.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Neàng G được ly hôn anh Chau Ch.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 124 ngày 20/10/2008 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. *Về nuôi con chung:* Chị G được trực tiếp nuôi dạy con Chau Ch, sinh ngày 11/10/2007 và Neàng Sây N, sinh ngày 02/5/2016, anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. *Về án phí:* Chị Neàng G chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0007322 ngày 23/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

4. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS.ND huyện Tịnh Biên;
- THA.DS huyện Tịnh Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Khánh